

Trình độ: TIẾNG ANH B1

Ngày thi: 05/11/2022

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm)	Ghi chú
					NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
Trọng số:											
1	B14DCCN233	Nguyễn Tuấn	Anh	D14HTTT1	V	V	V	V	V	V	Vắng
2	B16DCPT008	Nguyễn Xuân	Bách	D16TKDPT2	75	80	75	90	320	8.0	
3	B18DCVT029	Cao Xuân	Bách	D18CQVT05-B	V	V	V	V	V	V	Vắng
4	B18DCAT018	Ngô Đức	Bình	D18CQAT02-B	95	94	70	80	339	8.5	
5	B17DCVT032	Lê Thanh	Bình	D17CQVT08-B	V	V	V	V	V	V	Vắng
6	B18DCVT045	Hoàng Minh	Chí	D18CQVT05-B	65	68	65	80	278	7.0	
7	B17DCCN703	Bouncho	Daomaikham	D17HTTT5	80	70	65	85	300	7.5	
8	B18DCPT053	Nguyễn Cao Quốc	Đạt	D18PTDPT1	80	85	60	50	275	6.9	
9	B18DCCN137	Nguyễn Đức	Đạt	D18CNPM3	85	90	70	65	310	7.8	
10	B18DCVT093	Triệu Tiến	Đạt	D18CQVT05-B	65	60	50	45	220	5.5	
11	B18DCDT052	Nguyễn Khắc	Đông	D18DTMT2	75	44	70	90	279	7.0	
12	B18DCCN117	Lò Văn	Dự	D18CNPM4	65	58	65	50	238	6.0	
13	B18DCCN174	Nguyễn Minh	Đức	D18HTTT5	43	46	50	35	174	4.4	
14	B18DCDT053	Cần Ngọc	Đức	D18DTMT1	65	60	60	70	255	6.4	
15	B18DCCN173	Nguyễn Minh	Đức	D18CNPM4	85	89	75	90	339	8.5	
16	B17DCCN154	Khổng Thị	Dung	D17HTTT5	60	70	75	75	280	7.0	
17	B18DCCN099	Nguyễn Tiến	Dũng	D18HTTT6	65	70	60	75	270	6.8	
18	B16DCVT087	Nguyễn Tùng	Dương	D16CQVT07-B	V	V	V	V	V	V	Vắng
19	B18DCCN105	Dương Ngọc	Duy	D18CNPM3	80	61	55	80	276	6.9	
20	B17DCPT056	Đỗ Đức	Duy	D17TKDPT2	50	30	50	35	165	4.1	
21	B18DCQT041	Đặng Thị Hương	Giang	D18TMDT1	70	64	65	75	274	6.9	
22	B17DCCN182	Chu Sơn	Giang	D17HTTT1	85	65	75	75	300	7.5	
23	B18DCPT066	Bùi Văn	Giáp	D18TKDPT1	V	V	V	V	V	V	Vắng
24	B17DCCN193	Nguyễn Thị Thu	Hà	D17HTTT1	45	58	55	50	208	5.2	
25	B17DCTT029	Phạm Ngọc	Hải	D17CQTT01-B	63	75	60	80	278	7.0	
26	B18DCPT076	Phạm Phương	Hằng	D18PTDPT1	95	89	75	85	344	8.6	
27	B18DCDT071	Nguyễn Đức	Hiệp	D18DTMT2	55	67	65	45	232	5.8	
28	B16DCCN534	Nguyễn Trọng	Hiếu	D16CNPM4	V	V	V	V	V	V	Vắng
29	B18DCPT084	Nguyễn Chí	Hiếu	D18PTDPT2	92	90	75	75	332	8.3	
30	B18DCMR072	Nguyễn Minh	Hòa	D18IMR3	55	60	60	70	245	6.1	
31	B18DCCN242	Nguyễn Đình	Hoàng	D18HTTT6	V	V	V	V	V	V	Vắng
32	B18DCPT094	Nguyễn Huy	Hoàng	D18TKDPT3	85	95	80	70	330	8.3	
33	B18DCVT179	Vũ Việt	Hoàng	D18CQVT03-B	V	V	V	V	V	V	Vắng
34	B18DCPT097	Trần Đình	Hoàng	D18PTDPT1	100	90	75	80	345	8.6	
35	B18DCQT059	Phạm Tiến	Hoàng	D18QTDN1	55	55	60	60	230	5.8	
36	B18DCPT098	Trần Huy Minh	Hoàng	D18TKDPT2	V	V	V	V	V	V	Vắng



Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm)	Ghi chú
					NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
Trọng số:											
37	B18DCAT100	Nguyễn Minh	Hoàng	D18CQAT04-B	95	90	75	65	325	8.1	Vắng
38	B17DCKT061	Vũ Thị	Huệ	D17CQKT01-B	V	V	V	V	V	V	
39	B18DCTT045	Hoàng Quang	Huy	D18CQTT01-B	33	46	55	70	204	5.1	
40	B17DCPT101	Lưu Viết	Huy	D17TKDPT1	57	52	65	75	249	6.2	
41	B18DCCN273	Trương Tuấn	Huy	D18CNPM5	V	V	V	V	V	V	Vắng
42	B18DCCN264	Hoàng Đức	Huy	D18HTTT6	75	65	70	75	285	7.1	
43	B18DCTT049	Vũ Mạnh	Khải	D18CQTT01-B	60	67	40	70	237	5.9	
44	B18DCCN307	Khuất Duy	Khánh	D18HTTT6	70	61	50	70	251	6.3	
45	B18DCCN308	Ngô Gia	Khánh	D18CNPM6	90	90	75	95	350	8.8	
46	B17DCPT107	Bùi Trọng	Khôi	D17TKDPT2	60	47	50	65	222	5.6	
47	B18DCCN291	Lê Bá	Kiên	D18HTTT3	65	43	30	65	203	5.1	
48	B18DCAT120	Nguyễn Trung	Kiên	D18CQAT04-B	90	77	70	85	322	8.1	
49	B18DCQT079	Nguyễn Trung	Kiên	D18QTDN2	V	V	V	V	V	V	Vắng
50	B18DCAT132	Bùi Đình	Lâm	D18CQAT04-B	85	78	70	85	318	8.0	
51	B17DCCN702	Chilaphon	Leuanglangsy	D17HTTT5	80	84	70	95	329	8.2	
52	B17DCMR069	Nguyễn Thị	Liên	D17IMR2	65	47	70	70	252	6.3	
53	B17DCAT113	Trần Đức	Linh	D17CQAT01-B	80	87	75	90	332	8.3	
54	B16DCPT092	Vũ Thị	Loan	D16TKDPT3	75	73	50	70	268	6.7	
55	B18DCCN360	Phùng Nguyễn Thanh	Long	D18HTTT5	80	63	75	75	293	7.3	
56	B18DCDT137	Trần Đức Hoàng	Long	D18DTMT1	50	90	60	80	280	7.0	
57	B17DCCN706	Tavanh	Lorthongla	D17CNPM4	31	40	10	50	131	3.3	Không đạt
58	B18DCPT149	Nguyễn Thành	Luân	D18TKDPT3	100	90	75	70	335	8.4	
59	B18DCVT290	Nguyễn Anh	Minh	D18CQVT02-B	60	41	45	80	226	5.7	
60	B16DCPT104	Nguyễn Thành	Nam	D16TKDPT3	52	44	65	60	221	5.5	
61	B17DCDT131	Nguyễn Phương	Nam	D17DTMT2	85	68	65	80	298	7.5	
62	B18DCQT117	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	D18QTDN1	90	86	75	75	326	8.2	
63	B18DCCN458	Đào Kỳ	Nguyên	D18HTTT4	100	95	80	95	370	9.3	
64	B18DCPT172	Nguyễn Trọng	Nhân	D18PTDPT1	90	75	75	85	325	8.1	
65	B16DCCN259	Đào Long	Nhật	D16CNPM2	V	V	V	V	V	V	Vắng
66	B17DCPT155	Hoàng Hải	Nhi	D17PTDPT1	45	47	65	65	222	5.6	
67	B18DCMR142	Đinh Thị	Nhung	D18IMR2	50	40	40	65	195	4.9	
68	B18DCTT087	Nguyễn Tiến	Phong	D18CQTT01-B	75	88	70	80	313	7.8	
69	B18DCAT183	Nguyễn Hoàng	Phong	D18CQAT03-B	90	78	35	75	278	7.0	
70	B17DCPT166	Nguyễn Thế	Quang	D17TKDPT1	42	53	30	50	175	4.4	
71	B18DCTT097	Nguyễn Đức	Quyền	D18CQTT01-B	85	89	70	80	324	8.1	
72	B17DCPT176	Nguyễn Văn	Sơn	D17TKDPT2	72	60	65	60	257	6.4	
73	B17DCCN707	Phetsavanh	Soudavong	D17HTTT5	75	58	75	70	278	7.0	
74	B18DCPT216	Nguyễn Ngọc	Thành	D18PTDPT1	V	V	V	V	V	V	Vắng
75	B18DCCN621	Nguyễn Phương	Thảo	D18CNPM3	70	76	70	85	301	7.5	



Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm)	Ghi chú
					NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
Trọng số:											
76	B17DCVT342	Đinh Đức	Thiện	D17CQVT06-B	80	68	40	60	248	6.2	
77	B18DCVT419	Nguyễn Thị Minh	Thư	D18CQVT03-B	50	71	55	65	241	6.0	
78	B16DCDT207	Nguyễn Chí Thành	Tôn	D16DTMT	70	52	60	70	252	6.3	
79	B17DCQT160	Nguyễn Thị	Trang	D17TMDT2	55	70	60	65	250	6.3	
80	B18DCAT247	Phan Thanh	Trang	D18CQAT03-B	100	88	75	90	353	8.8	
81	B18DCAT213	Trần Anh	Tú	D18CQAT01-B	85	94	80	70	329	8.2	
82	B18DCAT224	Nguyễn Thanh	Tùng	D18CQAT04-B	75	80	60	80	295	7.4	
83	B17DCCN673	Hà Văn	Tuyền	D17HTTT1	90	87	65	70	312	7.8	
84	B18DCAT264	Nguyễn Hoàng	Việt	D18CQAT04-B	75	76	70	80	301	7.5	
85	B17DCCN701	Khamphueang	Vongdala	D17CNPM4	50	32	10	V	V	V	Vắng

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

TRUNG TÂM KT&ĐBCLGD

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Trịnh Thị Hằng

Trần Thị Mỹ Hạnh

PGS. TS. Trần Quang Anh



Trình độ: TIẾNG ANH B2
Ngày thi: 05/11/2022

Số TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Tổng điểm (thang điểm)	Ghi chú
					NGHE	ĐỌC	VIẾT	NÓI			
Trọng số:											
1	B17DCAT050	Phạm Minh	Đức	E17CQCN01-B	90	76	65	75	306	7.7	
2	B18DCVT257	Nguyễn Bảo	Long	E18CQCN02-B	65	84	70	80	299	7.5	
3	B17DCCN223	Bạch Duy	Hiếu	E17CQCN02-B	90	70	70	65	295	7.4	
4	B18DCCN517	Nguyễn Hoàng	Sơn	E18CQCN02-B	90	74	40	70	274	6.9	

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

TRUNG TÂM KT&ĐBCLGD

Trịnh Thị Hằng

Trần Thị Mỹ Hạnh

